

Số: 1867/BC-BCA-V03

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng
Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan, Bộ Công an báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù như sau:

I. XÁC ĐỊNH VĂN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Tương trợ tư pháp được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 21/11/2007, có hiệu lực kể từ 01/7/2008. Đến nay, Luật đã được thực thi 15 năm. Luật gồm 7 chương với 72 điều quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong tương trợ tư pháp (TTTP). Trong đó, hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được quy định tại Chương V (gồm 12 điều, từ Điều 49 đến Điều 60) và một số quy định tại Chương I, Chương VI. Điều 65 của Luật TTTP quy định trách nhiệm của Bộ Công an về việc tiếp nhận, chuyển giao, xem xét, giải quyết các yêu cầu của nước ngoài về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; xem xét và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về TTTP. Luật TTTP đã thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật, tăng cường hội nhập quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020).

Qua 15 năm triển khai thực hiện Luật TTTP năm 2007, công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đã đạt được nhiều kết quả. Đến nay, Bộ Công an đã tiếp nhận, xử lý 166 hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (đã chuyển giao 22 phạm nhân cho nước ngoài và tiếp nhận 04 phạm nhân về Việt Nam). Kết quả này góp phần tạo điều kiện tốt hơn cho người bị kết án và nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân. Bên cạnh kết quả đạt được, quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong Luật TTTP năm 2007 và hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau:

Thứ nhất, Luật TTTP điều chỉnh chung cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dân độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù nhưng mỗi lĩnh vực lại có đối tượng, phạm vi điều chỉnh với tính chất đặc thù riêng, mục đích và tính chất, nguyên tắc hợp tác khác nhau. Cụ thể như: nguyên tắc hợp tác TTTP trong Luật được quy định chung cho cả bốn lĩnh vực nhưng khi áp dụng vào từng lĩnh vực lại không giống nhau, bởi vì TTTP về hình sự xuất phát từ hoạt động tố tụng hình sự mang tính chất công quyền còn TTTP về dân sự lại xuất phát từ yêu cầu giải quyết vụ việc của cá nhân, pháp nhân mang tính chất tư; hay nguyên tắc trong TTTP về hình sự là trên cơ sở yêu cầu của nước yêu cầu còn chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù lại chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của người bị yêu cầu chuyển giao hay việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong TTTP về hình sự, dân độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù có những yêu cầu chặt chẽ hơn so với TTTP về dân sự.

Thứ hai, chủ thể yêu cầu, chủ thể thực hiện, trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện các yêu cầu TTTP trong từng lĩnh vực hoàn toàn độc lập và khác nhau.

Thứ ba, từ phương diện quản lý nhà nước, Luật TTTP quy định giao Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước chung cũng làm cho công tác quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật nhưng như trên đã đề cập mỗi lĩnh vực có đặc thù, nguyên tắc riêng, trình tự, thủ tục độc lập dẫn đến thực tế triển khai chức năng nhiệm vụ của các cơ quan gặp bất cập, hạn chế, cụ thể: (i) công tác quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp còn nặng về hình thức do chủ yếu chỉ được thực hiện thông qua hoạt động báo cáo trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu từ các cơ quan đầu mối; (ii) các cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực TTTP khác khó phát huy hết vai trò, trách nhiệm và sự chủ động trong quản lý, chỉ đạo công tác TTTP ở lĩnh vực riêng do mình phụ trách.

Thứ tư, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP được thực hiện chủ yếu thông qua các điều ước quốc tế. Theo quy

định của Luật TTTP, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì từng bộ, ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC)) chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế thuộc lĩnh vực mình được giao phụ trách. Hiện nay việc ký kết các điều ước quốc tế về TTTP được tách riêng từng lĩnh vực độc lập, không điều chỉnh đa lĩnh vực như trước đây. Chính vì vậy, hiện nay Bộ Tư pháp chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về TTTP dân sự, VKSNDTC chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về TTTP về hình sự, Bộ Công an chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù. Việc tách Luật TTTP, giao nhiệm vụ cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực cũng phù hợp với công tác ký kết, gia nhập và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà các bộ, ngành đang chủ trì.

Thứ năm, một số quy định của Luật TTTP không còn phù hợp với các đạo luật mới trong lĩnh vực tư pháp được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua khiến Luật TTTP còn thiếu gắn kết và chưa đồng bộ với pháp luật tố tụng trong nước, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết kịp thời các vụ việc dân sự và các vụ án hình sự có yêu cầu TTTP¹.

Thứ sáu, Luật TTTP chưa phân định rõ phạm vi TTTP, dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như đối với hoạt động ủy thác tư pháp (UTTTP) liên quan đến công dân Việt Nam ở nước ngoài hoặc yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài xác minh, cung cấp tài liệu và chứng cứ phục vụ điều tra.

Thứ bảy, Luật TTTP chưa đáp ứng yêu cầu mới do sự phát triển trong từng lĩnh vực TTTP, thiếu những quy định cụ thể phù hợp cho từng lĩnh vực: (i) trong lĩnh vực dân sự, tranh chấp phát sinh từ các giao dịch dân sự, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tăng nhanh về số lượng, đa dạng về hình thức và phức tạp về nội dung dẫn đến số lượng yêu cầu TTTP tăng đáng kể, đòi hỏi quy trình thủ tục thực hiện phải được cải cách, rút ngắn và cắt giảm hồ sơ cũng như các khâu trung gian để giảm tải gánh nặng cho các cơ quan thực thi ở trung ương và địa phương hay thực tiễn đã phát sinh nhiều yêu cầu TTTP để giải quyết các vụ án hành chính nhưng chưa được Luật TTTP tính đến, hay vẫn đề

¹Hiện pháp năm 2013, Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Luật tố tụng hành chính năm 2015 có những quy định mới về giải quyết các vụ việc dân sự và hình sự có yếu tố nước ngoài với nhiều nội dung liên quan đến TTTP.

²Vào thời điểm trước năm 2010, số lượng yêu cầu TTTP trong lĩnh vực dân sự gửi đến Việt Nam và từ Việt Nam gửi ra các nước trung bình là 800-1000 yêu cầu/năm, đến nay con số này đã tăng lên 3000-4000 yêu cầu/năm (tăng gấp hơn 4 lần)

thu thập chứng cứ trực tuyến chưa có quy định; (ii) trong lĩnh vực hình sự, chưa có quy định cho phép người tiến hành tố tụng của Bên yêu cầu được tham gia một số hoạt động trong quá trình thực hiện TTTP tại Bên được yêu cầu; tổ chức cho người tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ, liên kết điều tra, phối hợp điều tra; việc phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội...; (iii) trong lĩnh vực dân độ, chưa có quy định về trình tự, thủ tục lập yêu cầu dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, bắt khẩn cấp, thủ tục dẫn độ đơn giản, quá cảnh người bị dẫn độ và áp dụng các biện pháp ngăn chặn; (iv) trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, chưa có quy định về Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt, cơ quan có trách nhiệm thông báo cho người đang chấp hành án phạt tù về quyền được chuyển giao, cơ quan có trách nhiệm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù gửi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, điều kiện từ chối tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù, nguyên tắc chuyển đổi hình phạt, xem xét lại bản án, hiệu lực của việc chuyển giao đối với Việt Nam và đối với nước ngoài, xác minh sự đồng ý của người đang chấp hành án phạt tù đối với việc chuyển giao, quá cảnh người đang chấp hành án phạt tù, thời điểm người đang chấp hành án phạt tù có quyền rút đơn xin chuyển giao.

Thứ tám, khi ban hành Luật TTTP năm 2007, nhà làm luật đã coi hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (phạm nhân) thành một hoạt động TTTP (mang tính cưỡng chế nhằm thực hiện quyền lực Nhà nước) trong khi mục đích chính của chuyển giao phạm nhân là tạo điều kiện tốt nhất cho người bị kết án được tiếp tục chấp hành án trong môi trường thuận lợi nhất và tái hòa nhập cộng đồng thành công (thể hiện bản chất nhân đạo sâu sắc), được thực hiện trong giai đoạn thi hành án hình sự, đối tượng là phạm nhân người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài bị xử phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân, đang chấp hành án tại Việt Nam, có nguyên vọng được tiếp tục chấp hành phần hình phạt còn lại tại đất nước mà họ mang quốc tịch hoặc nước mà họ có mối quan hệ cộng đồng thân thiết. Trong bốn lĩnh vực mà Luật TTTP năm 2007 điều chỉnh có hai lĩnh vực có trình tự, thủ tục và nội dung dễ bị nhầm lẫn hơn cả là quy định về dẫn độ tại Chương IV và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Chương V do các quy định của Luật TTTP năm 2007 chưa làm nổi bật về bản chất của hai hoạt động này hoàn toàn khác nhau ở chỗ dẫn độ mang “tính cưỡng chế” rất cao trong khi chuyển giao phạm nhân về phải có sự đồng ý của người đó. Vì vậy, thực tiễn đã xảy ra tình trạng cơ quan, người áp dụng pháp luật đã có sự nhầm lẫn giữa quy định của hai hoạt động này và ra

quyết định không chính xác, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Từ tình hình nêu trên cho thấy việc xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là yêu cầu cấp thiết khách quan, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong tình hình mới. Ngày 19/8/2023, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 6409/VPCP-PL truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang giao Bộ Công an chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ và Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Bộ Tư pháp chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự và đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự; sớm trình trình Chính phủ cùng một thời điểm (trước ngày 31/12/2023) xem xét, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 của Quốc hội.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu chung

Hoàn thiện pháp luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo hướng nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, ổn định, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; giúp bảo đảm tốt hơn quyền tái hòa nhập cộng đồng của người đang chấp hành án phạt tù; tạo nền tảng cho việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù hiện đại, toàn diện, cụ thể, khả thi, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với thực tiễn, có kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật TTTTP hoặc nâng lên thành luật các quy định còn phù hợp của các văn bản dưới luật;

- Khắc phục hạn chế, bất cập trong những quy định của pháp luật hiện hành về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác này;

- Tiếp thu kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, xử lý, lập, gửi các yêu cầu về chuyển giao với đối tác nước ngoài,

thúc đẩy việc hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực chuyển giao trên cơ sở quy trình, thủ tục chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được chuyển giao về Việt Nam tiếp tục chấp hành án phạt tù và người nước ngoài đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam được chuyển giao về nước mà họ có quốc tịch hoặc nước khác đồng ý tiếp nhận để tiếp tục chấp hành án phạt tù.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Để đạt được mục tiêu xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Bộ Công an xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách với sự đóng góp, tham gia của các bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia và nhà khoa học.

Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ kế thừa các chính sách còn phù hợp của Luật TTTP năm 2007 và các luật hiện hành trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; cụ thể là:

+ Nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, các quy định về thành phần hồ sơ phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; điều kiện tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù điều kiện người đang chấp hành án phạt tù là công dân Việt Nam khi người đó được tiếp nhận về Việt Nam và điều kiện về thời hạn chưa chấp hành án phạt tù còn lại ít nhất là sáu tháng trong trường hợp đặc biệt; các trường hợp từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

+ Trình tự, thủ tục, thời gian xử lý các yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại các cơ quan có thẩm quyền;

+ Cơ quan trung ương, cơ quan phối hợp và những trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao trong việc xem xét kháng cáo, kháng nghị quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các chế độ báo cáo, thông kê công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phù hợp với chức năng của các cơ quan.

Đồng thời, Luật mới sẽ xây dựng thêm các chính sách mới như sau:

Chính sách 1: Tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phù hợp với bối cảnh, tình hình mới của Việt Nam và quốc tế.

Chính sách 2: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

Chính sách 3: Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao về nơi có điều kiện tốt hơn để tiếp tục chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng.

1. Chính sách 1: Tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phù hợp với bối cảnh, tình hình mới của Việt Nam và quốc tế.

1.1. Vấn đề bất cập

Chương I (Các quy định chung) và Chương V (Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù) đã có nhiều quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cho đến thời điểm hiện nay như quy định về áp dụng pháp luật nước ngoài (Điều 3), quy định về nguyên tắc trong tương tự tư pháp (Điều 4), quy định về ngôn ngữ (Điều 5), quy định về hợp pháp hóa (Điều 7), quy định về điều kiện tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Điều 50), quy định về từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Điều 51), quy định về hồ sơ yêu cầu chuyển giao đang chấp hành án phạt tù (Điều 52), quy định về tiếp nhận yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Điều 54), quy định về quyết định chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài (Điều 55), quy định về thẩm quyền quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam (Điều 56), quy định về thi hành quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Điều 57), quy định về tiếp tục chấp hành hình phạt tại Việt Nam (Điều 58), quy định về áp giải người được chuyển giao (Điều 59). Thực tiễn cho thấy các quy định này vẫn còn phù hợp, có thể tiếp tục kế thừa và phát huy hiệu quả áp dụng.

Tuy vậy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng trên mọi mặt đời sống xã hội, hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đã có những bước phát triển mới so với khi ban hành Luật TTTP cách đây 15 năm, trong đó quy tắc ứng xử của các quốc gia đã có thay đổi phù hợp. Cùng với đó, quan điểm xây dựng hệ thống pháp luật và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới cũng có nhiều điểm mới, trong đó có tiêu chuẩn nhân văn, nhân đạo và hiện đại. Đối chiếu với các quy định pháp lý trong nước hiện hành, nhiều nội dung cần được bổ sung, nâng cấp thích ứng hài hòa với tiêu

chuẩn quốc tế và những yêu cầu thực tiễn công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù để bảo đảm tốt nhất quyền của người đang chấp hành án phạt tù. Một số vấn đề có thể chỉ ra:

Thứ nhất, Luật TTTP hiện hành chưa quy định cụ thể, toàn diện các vấn đề liên quan đến chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Luật TTTP chưa có quy định cụ thể về: Cơ quan có trách nhiệm thông báo cho người đang chấp hành án phạt tù về quyền được chuyển giao; cơ quan có trách nhiệm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù gửi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; điều kiện từ chối tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù; nguyên tắc chuyển đổi hình phạt; xem xét lại bản án; hiệu lực của việc chuyển giao đối với Việt Nam và đối với nước ngoài; xác minh sự đồng ý của người bị kết án phạt tù đối với việc chuyển giao; quá cảnh người bị kết án; thời điểm người bị kết án có quyền rút đơn xin chuyển giao; tạm đình chỉ xem xét yêu cầu chuyển giao; hủy bỏ quyết định chuyển giao; thời hạn tổ chức bản giao người bị kết án; xử lý tình huống phạm nhân vừa được xem xét giảm án vừa trong quá trình xem xét chuyển giao; các tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù..., đặc biệt là vấn đề chuyển đổi hình phạt. Chuyển đổi hình phạt là một vấn đề lớn, liên quan trực tiếp đến chính sách hình sự và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, do vậy, cần được quy định trong luật một cách cụ thể, chi tiết. Vấn đề này chỉ được quy định mang tính nguyên tắc tại Điều 58 Luật TTTP nên khó áp dụng trên thực tiễn. Các vấn đề liên quan đến việc ra quyết định chuyển đổi hình phạt của toà án rất phức tạp, trường hợp không quyết định chính xác có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của phạm nhân. Thực tế đã xảy ra trường hợp do hành vi mà phạm nhân thực hiện và bị xử phạt tù ở nước ngoài không tương đương với một cấu thành một tội danh cụ thể quy định trong Bộ luật Hình sự (BLHS) của Việt Nam mà cấu thành tội phạm nằm rải rác tại các tội danh trong các điều luật khác nhau của BLHS hiện hành của Việt Nam nên khi ra quyết định tiếp nhận, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã không ra quyết định chuyển đổi hình phạt mà giữ nguyên hình phạt của nước ngoài trong quyết định tiếp nhận.

Việc thiếu các quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đã làm giảm hiệu quả công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong thời gian qua (trên thực tế từ năm 2007 đến nay, Việt Nam mới chỉ tiếp nhận 04 công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù theo đề nghị của phía nước ngoài). Một số vấn đề đã được khắc phục trong Thông tư số

01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, đây chỉ là các quy định ở văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức Thông tư, giá trị pháp lý chưa cao. Vì vậy, các nội dung này cần được quy định cụ thể trong luật.

Thứ hai, Luật TTTP được ban hành cách đây 15 năm nên một số quy định không còn phù hợp với các quy định của một số luật mới ban hành; cụ thể như sau:

- Trước hết, là việc đề chỉ cùng một đối tượng nhưng Luật TTTP sử dụng thuật ngữ “chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù” nhưng Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) sử dụng thuật ngữ “chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù”.

- Tiếp đến là quy định về thẩm quyền xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Theo quy định tại khoản 5 Điều 55 của Luật TTTP, Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền này. Hiện nay, quy định này không phù hợp với quy định của Luật Tố chức tòa án nhân dân năm 2014 (Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền này). Theo đó, cần quy định lại theo hướng Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền xem xét kháng cáo, kháng nghị để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực này (hiện nay Luật này đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung nhưng quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao trong việc kháng cáo, kháng nghị các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh không thay đổi).

- Luật TTTP chưa có quy định về Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và vai trò, trách nhiệm của Cơ quan trung ương. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Với tư cách là luật chuyên ngành về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, cần có quy định thống nhất với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

Thứ ba, Luật TTTP quy định TTTP nói chung và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nói riêng được thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế. Trường hợp không có điều ước quốc tế thì áp dụng nguyên tắc có đi có lại và pháp luật trong nước. Tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy một số quy định của Luật

TTTP không phù với pháp luật và thông lệ quốc tế, các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết; cụ thể như sau:

- Để thống nhất cách hiểu, các hiệp định hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết đều có quy định về giải thích từ ngữ (nước nhận, nước chuyển giao, bản án, hình phạt, người bị kết án, Cơ quan trung ương, cơ quan có thẩm quyền...). Theo đó, cần có quy định về giải thích từ ngữ trong luật mới để làm căn cứ đàm phán các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

- Hầu hết các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết đều quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, Luật TTTP không có quy định này. Vì vậy, cần có quy định này trong luật mới.

- Về điều kiện thời hạn còn lại phải chấp hành án của người được chuyển giao, Luật TTTP quy định người đang chấp hành án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong trường hợp đặc biệt phải còn ít nhất 06 tháng (điểm d khoản 1 Điều 50). Tuy nhiên, trong hầu hết các hiệp định song phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết với các nước đều quy định người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong trường hợp đặc biệt có thể dưới 01 năm do các Bên thống nhất. Quy định như hiện tại của Luật TTTP gây khó khăn nhất định trong ký kết và thực hiện điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cũng như không triệt để thực hiện nguyên tắc nhân đạo trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, đặc biệt trong trường hợp người đang chấp hành án phạt tù mắc bệnh hiểm nghèo. Theo đó, nên quy định người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong trường hợp đặc biệt có thể dưới 01 năm. Trường hợp đặc biệt ở đây có thể là người đang chấp hành án phạt tù mắc bệnh hiểm nghèo, người cao tuổi, người già yếu, người là trẻ vị thành niên, phụ nữ đang mang thai hoặc để đáp ứng yêu cầu đối ngoại, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội... Theo đó, cần quy định phù hợp giữa quy định pháp luật trong nước và quy định của các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết.

- Điểm b khoản 1 Điều 50 của Luật TTTP quy định người đang chấp hành án phạt tù phải có nơi thường trú cuối cùng ở Việt Nam trong trường hợp người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được tiếp nhận về Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật của các nước, các điều ước quốc tế đã phưng và hầu hết các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù không quy định điều kiện này.

Bên cạnh các quy định về quốc tịch Việt Nam, sự đồng ý của người đang chấp hành án phạt tù thì quy định về người đang chấp hành án phạt tù phải có nơi thường trú cuối cùng ở Việt Nam là không cần thiết, việc này gây khó khăn nhất định trong ký kết và thực hiện điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Theo đó, nên bỏ quy định về điều kiện người đang chấp hành án phạt tù phải có nơi thường trú cuối cùng ở Việt Nam để phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

- Về chi phí, Luật TTTP quy định nước yêu cầu chi trả mọi chi phí chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, trong các hiệp định song phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết với các nước đều quy định chi phí cho việc chuyển giao do nước nhận chi trả trừ chi phí phát sinh hoàn toàn trong lãnh thổ nước chuyển giao. Ngoài ra, trong hầu hết các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết quy định các bên có thể thu lại một phần hoặc toàn bộ chi phí chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ người được chuyển giao hoặc nguồn khác (gia đình, tổ chức từ thiện...). Theo đó, trong trường hợp Việt Nam là bên nhận, nên quy định chi phí chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ do nước tiếp nhận chịu trừ chi phí phát sinh hoàn toàn trong lãnh thổ nước chuyển giao. Chi phí này do ngân sách nhà nước đảm bảo. Người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao hoặc gia đình hoặc các tổ chức, cá nhân khác có thể tự nguyện đóng toàn bộ hoặc một phần kinh phí phục vụ việc chuyển giao người đó từ nước ngoài về Việt Nam.

- Phần lớn các trường hợp yêu cầu chuyển giao, do phạm nhân có quốc tịch nước ngoài chưa thực hiện phần hình phạt bổ sung là phạt tiền, chưa bồi thường dân sự và chưa nộp án phí nên chưa đủ điều kiện để xem xét chuyển giao theo quy định tại Điều 50 của Luật TTTP. Tuy nhiên, một số hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết với các nước thì không quy định cụ thể điều kiện này. Vì vậy, khi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam từ chối chuyển giao các đối tượng này trên cơ sở các quy định trên thì phía nước ngoài không đồng tình. Do vậy, qua thực tiễn xử lý các vụ việc chuyển giao, cần có cơ chế hợp lý, linh động để giải quyết vấn đề này, có thể xem xét việc yêu cầu tương trợ tư pháp tại phía nước ngoài nhằm hỗ trợ việc phạm nhân có thể thực hiện phần hình phạt bổ sung còn lại, tạo điều kiện thuận lợi để phạm nhân tích. Theo đó nên quy định người được chuyển giao chưa thực hiện xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, bồi thường dân sự, án phí thuộc trường hợp từ

chối chuyển giao. Quy định này sẽ làm căn cứ để ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam và các nước.

- Các hiệp định đều có quy định về thông báo cho người bị kết án về quyền được chuyển giao, xác minh sự đồng ý của người bị kết án, quá cảnh người bị kết án, thông báo về tình hình chấp hành án của người bị kết án được chuyển giao và xem xét lại bản án, quyết định của tòa án. Các nội dung này rất cần thiết có trong quy định pháp luật trong nước để làm căn cứ ký kết và thực hiện các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, Luật TTTP không có các quy định này. Vì vậy, luật mới cần có các quy định này.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

1.2.1. Mục tiêu tổng quát. Hoàn thiện pháp luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đáp ứng yêu cầu hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, bảo đảm đầy đủ, toàn diện, đồng bộ, khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đồng bộ với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam và phù hợp với xu thế quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, khả thi, ổn định, nhân văn, nhận đạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn để thực hiện yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;
- Chọn lọc, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;
- Tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam;
- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước không cần chi phí nghiên cứu, xây dựng ban hành một luật mới và có thể là các văn bản hướng dẫn thi hành, chi phí tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành các quy định mới trên phạm vi cả nước.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Không có.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: Nếu giữ nguyên như quy định của Luật TTTP thì không giải quyết được những khó khăn, bất cập nêu tạo Mục 1.1, do đó, sẽ không nâng cao hiệu quả công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Điều này dẫn đến việc tổn nguồn lực của Nhà nước, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết các yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Nhà nước phải chịu toàn bộ chi phí trong việc tiếp nhận công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Không có.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật, tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định, ít thay đổi.

- Tác động tiêu cực:

+ Hiện nay chưa có một cơ sở pháp lý hoàn thiện để điều chỉnh công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, do vậy gây khó khăn trong việc tiếp cận, nhận thức của người dân, cán bộ, viên chức và người đang chấp hành án phạt tù về công tác này, qua đó chưa đảm bảo việc tạo điều kiện cho phép được chuyển giao về nơi có điều kiện thuận lợi nhất cho việc chấp hành hình phạt và tái hòa nhập cộng đồng của công dân Việt Nam đang chấp hành án tại nước ngoài cũng như người nước ngoài đang chấp hành án tại Việt Nam.

+ Việc áp dụng pháp luật còn có khoảng cách, khoảng trống so với thực tiễn, với các quy định của điều ước quốc tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Tiến độ giải quyết yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù còn chậm một phần do những bất cập của pháp luật.

+ Việc chưa nội luật hóa một số quy định của các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ gây khó khăn trong việc ký kết và thực hiện các hiệp định này, ảnh hưởng đến hình ảnh chủ động, tích cực của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

+ Quy định về chi phí chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (nhất là chi phí tổ tụng phát sinh hoàn toàn trong lãnh thổ của nước được yêu cầu) do nước yêu cầu chi trả không thể thực hiện trên thực tế, gây khó khăn cho quá

trình ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

c) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Việc chưa có cơ sở pháp lý hoàn thiện và hiện đại để điều chỉnh hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, minh bạch rõ ràng và khả thi của hệ thống pháp luật.

1.3.2. Giải pháp 2:

- Kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật TTTP năm 2007 và các văn bản hướng dẫn chi tiết (nguyên tắc, ngôn ngữ, hợp pháp hóa, điều kiện tiếp nhận, chuyển giao, từ chối chuyển giao, hồ sơ yêu cầu chuyển giao, tiếp nhận yêu cầu chuyển giao, quyết định chuyển giao, quyết định tiếp nhận, thi hành quyết định chuyển giao, tiếp tục chấp hành hình phạt tại Việt Nam, áp giải người được chuyển giao);

- Xác định rõ đối tượng chuyển giao trong tương hợp thông thường và các trường hợp đặc biệt;

- Xác định nguyên tắc thực hiện chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

- Nội luật hóa các tiêu chuẩn quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và áp dụng chọn lọc kinh nghiệm quốc tế (Cơ quan trung ương, điều kiện chuyển giao, các trường hợp từ chối tiếp nhận, các trường hợp từ chối chuyển giao, thông báo cho người bị kết án về quyền được chuyển giao, xác minh sự đồng ý của người bị kết án, quá cảnh người đang chấp hành án phạt tù, thông báo về tình hình chấp hành án của người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao và xem xét lại bản án, quyết định của tòa án, chi phí).

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực (lợi ích):

+ Đối với Nhà nước:

i) Việc quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo hướng đầy đủ, toàn diện, đồng bộ, khả thi, ổn định, có tính dự báo, đáp ứng yêu

cầu thực tiễn, đồng bộ với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam và phù hợp với xu thế quốc tế sẽ giúp cho quá trình giải quyết các vụ việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được tiến hành nhanh chóng, hiệu quả, kịp thời, đúng quy định của pháp luật; đồng thời, tránh việc phải sửa đổi pháp luật trước những phát triển mới của xã hội. Điều này sẽ góp phần trực tiếp vào việc tiết kiệm nguồn lực của nhà nước và xã hội.

ii) Do kế thừa các quy định về thời hạn xử lý yêu cầu chuyển giao, hồ sơ yêu cầu chuyển giao, áp giải người được chuyển giao, trách nhiệm của các bộ, ngành trong xử lý hồ sơ nên không làm phát sinh thêm chi phí do Nhà nước chi trả đối với hoạt động lập, gửi, tiếp nhận hồ sơ và xử lý yêu cầu về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù so với quy định Luật hiện nay. Chi phí cho những hoạt động này khi Luật được ban hành về cơ bản không thay đổi so với chi phí hiện nay. Bên cạnh đó, việc quy định theo hướng Nhà nước có thể thu lại một phần hoặc toàn bộ chi phí cho việc chuyển giao từ người bị kết án hoặc nguồn tài chính hợp pháp khác (hỗ trợ, tài trợ hợp pháp của gia đình, cơ quan, tổ chức, cả nhân có liên quan) trên tinh thần tự nguyện sẽ giúp Nhà nước tiết kiệm chi phí phục vụ hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

Tính đến hết tháng 9/2023, Việt Nam đã tiếp nhận và xử lý 166 hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (đã chuyển giao 22 phạm nhân cho phía nước ngoài và tiếp nhận 04 phạm nhân từ nước ngoài về Việt Nam). Như vậy, có thể khẳng định số lượng hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là không nhiều (trung bình 10 hồ sơ/năm). Số lượng người nước ngoài đang chấp hành án tại Việt Nam được chuyển giao ra nước ngoài nhiều hơn số lượng công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được tiếp nhận về Việt Nam. Xét một cách tương đối thì Việt Nam có lợi hơn trong hợp tác quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Trong thời gian tới, dự báo số lượng người nước ngoài đang án phạt tù ở Việt Nam được chuyển giao ra nước ngoài và số lượng công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được tiếp nhận về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù sẽ gia tăng (trung 15 năm tới, dự kiến trung bình 20 hồ sơ/năm).

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Rút ngắn thời gian, chuẩn hóa quy trình và thủ tục đối với việc giải quyết các yêu cầu chuyển giao của phạm nhân có nguyện vọng được chuyển giao về nơi mà họ mong muốn, tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: sẽ mất chi phí xây dựng ban hành luật và có thể là cả văn bản hướng dẫn thi hành; tuyên truyền, phổ biến nội dung luật mới trên phạm vi toàn quốc bằng nhiều biện pháp và hình thức khác nhau ước tính 67.000.000đ/năm³. Cùng với đó, dự kiến xử lý bình quân 20 yêu cầu/năm (trong 10 yêu cầu chuyển giao người nước đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ra nước ngoài và 10 yêu cầu tiếp nhận công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam) thì chi phí như sau:

* Chi phí chi trả cho cán bộ được giao tiếp nhận, xử lý hồ sơ:

Stt	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1.	Thời gian xử lý 01 vụ việc	Ngày	90	Số liệu tính trên cơ sở quy định về thời gian tổ tụng
2.	Số lượng trung bình yêu cầu về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù	Trường hợp/năm	20	Số lượng được tính toán trên cơ sở thực tiễn
3.	Đơn giá chi	Đồng/ngày làm việc	545.000 đồng	Thu nhập bình quân tháng của cán bộ xử lý hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là 12.000.000 đồng/22 ngày làm việc
Tổng chi phí:		Đồng/năm	= 981.000.000 đồng/năm	

³ Tổng kinh phí xây dựng Luật: định mức phân bổ theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật là 1 tỷ đồng. Dự kiến mức độ ổn định của Luật trong 15 năm mới cần sửa đổi, bổ sung thì mức chi phí phát sinh cho 01 năm là: 1.000.000.000đ/ 15 năm = 67.000.000đ/năm.

*Chi phí xử lý hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù:

TT	Nội dung	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Văn bản áp dụng
1	Chi phí xử lý hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (dịch tài liệu, xử lý hồ sơ, Chi đi lại, ăn ở cho cán bộ Việt Nam thực hiện việc áp giải phạm nhân để bàn giao cho nước ngoài theo yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù của nước ngoài bao gồm cả chi phí phát sinh trong trường hợp quá cảnh; chi tổ chức hội thảo...)	01 hồ sơ	100.000.000 đồng	Trên cơ sở mức chi theo quy định của Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 4/9/2012 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp.
2	Số lượng hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án	20 hồ sơ		

phạt tù		
Tổng kinh phí	Đồng/năm	2.000.000.000 đồng/năm

Như vậy, tổng chi phí xử lý hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trung bình trong một năm là 2.981.000.000 đồng/năm.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Trên tinh thần tự nguyện, người đang chấp hành án hoặc gia đình của người đó hoặc tổ chức, cá nhân khác sẽ chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (ví dụ: Chi phí đi lại, ăn, ở của người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam).

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước:

i) Khi Luật được ban hành có vai trò quan trọng trong việc khẳng định tính chất nhân đạo của hệ thống pháp luật Việt Nam, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta; phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thể hiện thiện chí của Việt Nam trong việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói chung, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù với tất cả các quốc gia trên thế giới;

ii) Việc ban hành Luật mới góp phần nâng cao hiệu quả công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải tạo, giáo dục, tái hòa nhập cộng đồng đối với người đang chấp hành án phạt tù. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tái phạm tội và bảo đảm an ninh, trật tự;

iii) Bảo đảm tính nghiêm minh trong áp dụng, thực hiện pháp luật của Nhà nước pháp quyền. Qua đó, củng cố niềm tin của người dân nói chung và người bị kết án phạt tù nói riêng vào chính sách của Đảng và Nhà nước ta;

iv) Nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong quan hệ ngoại giao thông qua thực hiện quả cam kết quốc tế về bảo đảm quyền con người, quyền của tù nhân nói chung và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nói riêng.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Quyền con người, quyền được bảo hộ công dân của phạm nhân được đảm bảo thông qua việc xử lý yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nhanh chóng, chặt chẽ, hiệu quả. Từ đó,

tạo tâm lý yên tâm và tăng cường niềm tin của người dân và xã hội với Nhà nước Việt Nam và hệ thống tư pháp.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đối với xã hội.

c) Tác động về giới: Không có tác động về giới vì chính sách này không phân biệt về giới, không làm ảnh hưởng bất bình đẳng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Luật TTTP quy định việc chuyển giao chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của người bị kết án. Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ kế thừa quy định này của Luật TTTP năm 2007. Việc xác nhận sự đồng ý của người bị kết án phạt tù không được coi là thủ tục hành chính mới. Theo đó, giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động đến Bộ máy nhà nước: Việc thực hiện giải pháp này không làm phát sinh thêm cơ quan, đơn vị mới (Kế thừa quy định của Luật TTTP và các luật khác có liên quan). Tuy nhiên, có thay đổi trách nhiệm chủ trì xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ Bộ Ngoại giao sang Bộ Công an (Cơ quan trung ương). Điều này phù hợp với chủ trương của Đảng trong tinh giảm bộ máy và thực tiễn công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong thời gian qua (Bộ Công an mới có đầy đủ thông tin, dữ liệu để chủ trì xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong lĩnh vực này).

- Tác động đối với điều kiện đảm bảo: Thuận lợi trong áp dụng thống nhất cả nước, không ảnh hưởng đến các điều kiện đảm bảo hiện có do không có thay đổi về quy trình thực hiện mà chỉ nâng các quy định đã được đưa vào văn bản dưới luật lên thành các quy định của luật hoặc chuyển thể từ các cam kết quốc tế để thuận lợi trong áp dụng.

- Sự phù hợp với hệ thống pháp luật: Qua rà soát, nội dung chính sách này phù hợp với quy định về quyền con người của Hiến pháp năm 2013; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014, Luật Đặc xá năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)...; qua đó, bảo đảm việc đồng bộ, thống nhất khi áp dụng pháp luật.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Nội dung chính sách phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người và quyền của phạm nhân mà Việt Nam là thành viên như Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân năm 1990, Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hoặc đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm năm 1984, Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 và các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết với các nước.

- Tác động tiêu cực: Phải thực hiện rà soát và sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện chính sách.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Việc xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ tác động trực tiếp theo hướng tạo thuận lợi các cơ quan nhà nước trong thực hiện công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, trong đó trọng tâm là Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Công an cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

- Việc xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ tác động trực tiếp đến công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài và người nước ngoài đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam có nguyên vọng được chuyển giao về nước mang quốc tịch hoặc nước khác đồng ý tiếp nhận để tiếp tục chấp hành án phạt tù. Với việc khắc phục các bất cập của Luật TTTT, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ giúp nâng cao hiệu quả công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, qua đó, giúp bảo đảm quyền được chuyển giao về nơi có điều kiện thuận lợi nhất cho việc chấp hành án và tái hòa nhập cộng đồng của người bị kết án phạt tù.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở so sánh, đánh giá lợi ích của các giải pháp, Bộ Công an đề nghị lựa chọn Giải pháp 2. Theo đó, xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật TTTT năm 2007 và các văn bản hướng dẫn chi tiết, bổ sung các quy định mới nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các quy định về chuyển giao người đang chấp

hành án phạt tù trong các văn bản quy phạm pháp luật trong nước, tương thích với các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

2. Chính sách 2: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

2.1. Vấn đề bất cập

Thứ nhất, Luật TTTP quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động TTTP (Điều 61), Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động TTTP (Điều 62). Như vậy, Bộ Tư pháp chính là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Điều này là bất cập với thực tiễn do Bộ Công an là cơ quan quản lý công tác thi hành án hình sự và là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Điều 65 Luật TTTP; khoản 2 Điều 493 BLTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); khoản 20 Điều 4 Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) và trong 19 Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam đã ký với các quốc gia.

Việc Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về TTTP, bao gồm chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù làm cho công tác quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành gặp bất cập, hạn chế. Bộ Tư pháp khó phát huy vai trò cơ quan quản lý nhà nước trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Cùng với đó, việc thực hiện hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù chủ yếu trên cơ sở các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (người bị kết án phạt tù) mà theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì từng bộ, ngành chủ trì có trách nhiệm đối với việc tổ chức thực hiện các điều ước do mình chủ trì ký kết. Bộ Tư pháp không chủ trì ký kết các điều ước về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Do đó, công tác quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp còn nặng về hình thức và chủ yếu chỉ được thực hiện thông qua hoạt động báo cáo trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu từ Bộ Công an (Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù). Theo đó, cần thiết quy định Bộ Công an làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật.

Thứ hai, Luật TTTP cơ bản đã phân định tương đối rõ về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan có liên quan trong một số hoạt động, một số thủ tục trong quá trình chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Tuy vậy, Luật TTTP chưa quy định cụ thể về một số hoạt động, thủ tục trong quá trình chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong các hoạt động này như quy định về trách nhiệm thông báo quyền được chuyển giao đến phạm nhân, trách nhiệm tiếp nhận văn bản đề nghị chuyển giao của người đang chấp hành án phạt tù, trách nhiệm đề nghị nước ngoài xem xét yêu cầu chuyển giao, trách nhiệm thống kê số liệu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài, trách nhiệm trong phối hợp xác minh sự đồng ý của người được đề nghị chuyển giao và thông báo về tình hình chấp hành án của phạm nhân... Điều này cũng góp phần ảnh hưởng đến hiệu quả công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong thời gian qua.

Thứ ba, Luật TTTP cũng chưa quy định rõ ràng, tách bạch giữa trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ra nước ngoài và trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam. Điều này ít nhiều gây lúng túng cho các cơ quan chức năng trong việc xem xét các yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Vì vậy, cần xây dựng cụ thể trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ra nước ngoài và trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam.

Thứ tư, Luật TTTP quy định Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hợp tác về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù với các nước. Tuy nhiên, Luật TTTP không quy định cụ thể điều kiện áp dụng nguyên tắc có đi có lại, trình tự, thủ tục xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Chính vì vậy, Bộ Ngoại giao chưa chủ trì xem xét bất kỳ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hợp tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù chưa hiệu quả như mong muốn. Theo đó, quy định như Luật TTTP vẫn mang tính hình thức. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đã được quy định cụ thể trong hành Thông tư số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối

với người đang chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, đây chỉ là các quy định bằng hình thức văn bản Thông tư, giá trị pháp lý chưa cao, cần được quy định vào văn bản luật.

Thứ năm, Luật TTTP không các quy định cụ thể về quan hệ, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quá trình xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cũng như thi hành quyết định chuyển giao. Bất cập này phần nào được khắc phục trong Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, đây là giải pháp mang tính chất tình thế trong lúc chưa thể đưa vào văn bản pháp luật có giá trị cao hơn. Bên cạnh đó, việc quy trình thủ tục thực hiện được quy định ở nhiều cấp văn bản pháp luật khác nhau (từ Luật đến Thông tư liên tịch) cũng làm cho quy định pháp luật bị tản mạn, không tạo thuận lợi cho việc áp dụng.

Thứ sáu, trong các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam là thành viên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) đều quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của Việt Nam. Tuy nhiên, với tư cách là luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Luật TTTP chưa quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cũng như chức năng, vai trò, trách nhiệm của Cơ quan trung ương. Điều này cần được khắc phục để nâng cao tính chủ động, tích cực, hiệu quả và phát huy tối đa vai trò của Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong thời gian tới cũng như bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam.

Thứ bảy, Luật Tổ chức Toà án nhân dân năm 2014 quy định về tổ chức của Tòa án nhân dân bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện (Điều 3), trong đó, theo Điều 29 của Luật này, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp cao gồm: Phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định cấp sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền và trách nhiệm phúc thẩm quyết định liên quan đến chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (trong khi đó, khoản 5 Điều 55 Luật TTTP quy định Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền này). Vấn đề này

cần được quy định lại cho phù hợp với quy định mới, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Thứ tám, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có vai trò, nhiệm vụ bảo vệ công dân Việt Nam ở nước ngoài nói chung và công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù nói riêng. Tuy nhiên, Luật TTTP chưa quy định trách nhiệm của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng được chuyển giao về Việt Nam của người đó, thông kê số lượng công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài, xác minh sự đồng ý của người đó đối với việc chuyển giao, cấp hộ chiếu cho công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được tiếp nhận về Việt Nam. Vấn đề này cần được luật hóa để đảm bảo nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

Thứ chín, Luật TTTP quy định rõ cơ quan tiến hành tố tụng lập yêu cầu dẫn độ nhưng không quy định rõ cơ quan nào có trách nhiệm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Chính vì vậy, trong thời gian qua, tất cả các yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đều do nước ngoài lập. Điều này thể hiện sự thiếu chủ động trong hợp tác quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Trách nhiệm này cần được quy định rõ là thuộc về Bộ Công an - Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

2.2.1. Mục tiêu tổng quát:

Đảm bảo nâng cao trách nhiệm của các cơ quan và hiệu quả phối hợp liên ngành của các cơ quan chức năng trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan chức năng trong nước trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;
- Xác định rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;
- Quy định cụ thể việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo hướng cụ thể và phù hợp với thực tiễn công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Nhà nước không phải chi phí nghiên cứu xây dựng ban hành một luật mới và có thể cả các văn bản hướng dẫn thi hành, chi phí tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành các quy định mới trên phạm vi cả nước.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như quy định của Luật TTTT thì sẽ không giải quyết được những khó khăn, bất cập nêu tại Mục 2.1. Không tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, do đó, tăng chi phí cho nhà nước.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Cho thấy sự ổn định trong vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước:

i) Việc quản lý công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ rất chồng chéo khi cơ quan tổ chức thực hiện là Bộ Công an, trong khi cơ quan quản lý nhà nước là Bộ Tư pháp; thiết lập cơ quan trung gian không cần thiết (Bộ Công an báo cáo Bộ Tư pháp để Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ). Cùng đó, việc này sẽ làm phức tạp quan hệ phối hợp giữa các bộ, ngành, đơn vị có liên quan, làm giảm hiệu quả công tác;

ii) Việc xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù không thực sự hiệu quả và thực chất vì Bộ Ngoại giao được giao chủ trì trong khi Bộ Công an là cơ quan thực hiện;

iii) Thiếu quy định về các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ (Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Tòa án nhân dân cấp cao).

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Làm chậm quá trình giải quyết yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; vì vậy, sẽ ảnh hưởng đến quyền được chuyển giao của người bị kết án.

c) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Hệ thống pháp luật ổn định, ít biến động.

- Tác động tiêu cực:

+ Hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh và đồng bộ.

+ Chưa có một cơ chế phối hợp hiệu lực, hiệu quả giữa các cơ quan có liên quan trong công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2.3.2. Giải pháp 2:

- Kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương; sửa đổi, bổ sung quy định để xác định rõ phạm vi, nhiệm vụ, trách nhiệm và cơ chế thực hiện và quản lý nhà nước của các bộ, ngành, cơ quan trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, trong đó có Tòa án nhân dân cấp cao và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; xác định rõ Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, có chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Kế thừa quy định hiện hành về trình tự, thủ tục chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ Việt Nam ra nước ngoài và quy định rõ ràng, cụ thể về trình tự, thủ tục tiếp nhận công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam;

- Quy định cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong việc tiếp tục thi hành án phạt tù, thông báo về tình hình người bị kết án sau khi được chuyển giao, đặc xá, đại xá hoặc miễn, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, xem xét lại bản án, quyết định của tòa án;

- Quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Giải pháp 2 chủ yếu mang tính kỹ thuật nhằm khắc phục được những bất cập về tính thống nhất, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật; tính phù hợp và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành

viên; bảo đảm tốt hơn tính khả thi như đã phân tích ở nội dung xác định vấn đề, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và hiệu quả hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; qua đó, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự, hợp tác quốc tế nói riêng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước nói chung. Bên cạnh đó, hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là hoạt động mang tính quyền lực công, vì vậy, việc tiết kiệm kinh phí không hoàn toàn là mục tiêu chính cần hướng tới khi ban hành Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; thay vào đó là hướng tới tính hiệu quả của hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Không có.

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: sẽ mất chi phí xây dựng ban hành luật và có thể là cả văn bản hướng dẫn thi hành; tuyên truyền phổ biến nội dung luật mới trên phạm vi toàn quốc bằng nhiều biện pháp và hình thức khác nhau ước tính 67.000.000đ/năm.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: không có.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Việc quy định cụ thể quy trình phối hợp liên ngành trong công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trên cơ sở chú trọng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, cơ quan sẽ nâng cao hiệu quả của hoạt động này, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Qua đó, giúp tạo điều kiện cho những người đang chấp hành án phạt tù có nhiều cơ hội và thuận lợi hơn trong việc tái hòa nhập cộng đồng thành công.

- Tác động tiêu cực: Không có.

c) Tác động về giới: Không có tác động về giới vì chính sách này không phân biệt về giới, không làm ảnh hưởng bất bình đẳng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực:

+ Tác động đến Bộ máy nhà nước: Xác định trách nhiệm cụ thể của từng bộ, ngành, cơ quan có liên quan và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan này trong

quá trình xử lý, giải quyết các yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trên cơ sở kế thừa các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, cơ quan trong công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ không tác động đến không tác động đến bộ máy nhà nước, không làm tăng biên chế trong bối cảnh khối lượng công việc tăng, đảm bảo chủ trương tinh gọn bộ máy nhà nước của Đảng, Nhà nước.

+ Tác động đến điều kiện bảo đảm: Việc kế thừa hầu hết các quy định cũng như sắp xếp lại một số chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có liên quan không ảnh hưởng đến các điều kiện đảm bảo hiện có để thực hiện chính sách.

+ Sự phù hợp hệ thống pháp luật: việc quy định trách nhiệm liên ngành phù hợp với luật tổ chức các bộ, ngành, cơ quan và các luật khác có liên quan (Bộ luật Tổ tụng hình, Luật Tổ chức cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài...).

+ Tương thích với điều ước quốc tế: việc quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là phù hợp với các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết.

- Tác động tiêu cực: Không có.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan

Việc quy định đầy đủ trách nhiệm, thẩm quyền và quan hệ phối hợp của các cơ quan có liên quan trong công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Do vậy, chính sách sẽ có tác động trực tiếp đến các cơ quan nhà nước có liên quan đến công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù hiện nay như Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Công an cấp tỉnh.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở so sánh, đánh giá lợi ích của các giải pháp, Bộ Công an đề nghị lựa chọn Giải pháp 2, theo đó, kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật TTTP năm 2007 về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương; sửa đổi, bổ sung một số quy định để hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của các ngành, cơ quan trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và cơ chế phối hợp thực hiện; quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, có chức năng

giúp Chính phủ thống nhất quản lý về công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và chủ trì việc xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại; quy định trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp cao trong việc xem xét kháng cáo, kháng nghị quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định tiến hành thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vụ việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; quy định trách nhiệm của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù, thông kế số lượng công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù, xác minh sự đồng ý đối với việc chuyển giao của công dân Việt Nam đang chấp hành án ở nước ngoài, cấp hộ chiếu cho công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được tiếp nhận về Việt Nam; Bộ Tư pháp có trách nhiệm tra cứu quốc tịch Việt Nam của người đang chấp hành án phạt tù được xem xét tiếp nhận về Việt Nam.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

3. Chính sách 3: Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao về nơi có điều kiện tốt hơn để tiếp tục chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng

3.1. Vấn đề bắt cập

Hoạt động chuyển giao người đang chấp hành phạt tù là hoạt động hợp tác quốc tế trong thi hành án hình sự nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người nước ngoài phạm tội, bị kết án phạt tù (tù có thời hạn và tù chung thân), có cơ hội được tiếp tục chấp hành án ở nước nơi người đó mang quốc tịch hoặc nơi người đó có cha mẹ, ông bà hoặc con cái của phạm nhân đó có nơi cư trú chính trên lãnh thổ của Bên nhận; hoặc phạm nhân đó đã kết hôn hoặc có quan hệ hôn nhân thực tế với người có nơi cư trú chính trên lãnh thổ của Bên nhận; hoặc trong trường hợp đặc biệt, phạm nhân đó có mối quan hệ chặt chẽ và liên tục (liên lạc cả nhân một cách thường xuyên và lợi ích cả nhân liên quan đến phúc lợi của người khác) với người có nơi cư trú chính trên lãnh thổ của nước tiếp nhận vì mục đích nhân đạo, bảo đảm và hướng tới việc người đó sẽ tái hòa nhập cộng đồng thành công sau khi thi hành xong hình phạt.

Về bản chất, chuyển giao người bị kết án phạt tù là nhằm mục đích nhân đạo, xuất phát từ lợi ích của người bị kết án, giúp họ khắc phục những khó khăn trong việc giao tiếp do bất đồng về ngôn ngữ, sự xa lạ về tập quán địa phương và do đó, việc hỏi hường của người bị kết án là mong muốn của bản thân họ; đồng

thời, việc chuyển giao người bị kết án phạt tù cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình tái hòa nhập xã hội sau khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt. Do đó, pháp luật quốc tế cũng như trong các quy định của ĐUQT về chuyển giao người bị kết án phạt tù, điều kiện bắt buộc là được chính người bị kết án hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý một cách tự nguyện và công khai như các hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà các nước ký kết cũng như Việt Nam đã ký kết với các nước (Vương quốc Anh, Ô-xtrây-li-a, Đại Hàn Dân Quốc, Vương quốc Thái Lan, Nga, Ấn Độ...). Tuy nhiên, Luật TTTP vẫn còn một số quy định bất cập, chưa thực sự thể hiện được bản chất nhân văn, nhân đạo của hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; cụ thể như sau:

- Về điều kiện thời hạn còn lại phải chấp hành án của người được chuyển giao, Luật TTTP quy định người đang chấp hành án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong trường hợp đặc biệt phải còn ít nhất 06 tháng (điểm d khoản 1 Điều 50). Tuy nhiên, trong hầu hết các hiệp định song phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết với các nước đều quy định người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong trường hợp đặc biệt có thể dưới 01 năm do các Bên thống nhất. Quy định như hiện tại của Luật TTTP gây khó khăn nhất định trong ký kết và thực hiện điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cũng như không triệt để thực hiện nguyên tắc nhân đạo trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, đặc biệt trong trường hợp người đang chấp hành án phạt tù mắc bệnh hiểm nghèo. Theo đó, nên quy định người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong trường hợp đặc biệt có thể dưới 01 năm. Trường hợp đặc biệt ở đây có thể là người đang chấp hành án phạt tù mắc bệnh hiểm nghèo, người cao tuổi, người già yếu, người là trẻ vị thành niên, phụ nữ đang mang thai hoặc để đáp ứng yêu cầu đối ngoại, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội...

- Điểm b khoản 1 Điều 50 của Luật TTTP quy định người đang chấp hành án phạt tù phải có nơi thường trú cuối cùng ở Việt Nam trong trường hợp người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được tiếp nhận từ nước ngoài về Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật của các nước, các điều ước quốc tế đa phương và hầu hết các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam là thành viên không quy định điều kiện này. Quy định này cũng gây khó khăn nhất định trong ký kết và thực hiện điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Theo đó, nên bỏ điều kiện người đang chấp hành án phạt tù phải có nơi thường trú cuối cùng ở Việt Nam để tạo điều kiện cho mọi công

dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài có cơ hội công bằng được về Việt Nam tiếp tục chấp hành án phạt tù.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

3.2.1. Mục tiêu tổng quát:

Tạo điều kiện tốt hơn cho người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao về quốc gia có điều kiện thuận lợi để tiếp tục chấp hành bản án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Bảo đảm quyền được Nhà nước bảo hộ của công dân là người bị kết án phạt tù;

- Tạo cơ hội cho tất cả công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được chuyển giao về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật; có ưu tiên với những đối tượng yếu thế (người chưa thành niên, người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đang mang thai);

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng trong việc xây dựng hệ thống pháp luật nhân văn, nhân đạo, hiện đại trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cụ thể hóa các quy định về quyền công dân, quyền con người trong Hiến pháp năm 2013;

- Tạo thuận lợi cho việc ký kết và thực hiện các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

3.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

3.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Nhà nước không mất chi phí nghiên cứu xây dựng ban hành một luật mới và có thể cả các văn bản hướng dẫn thi hành, chi phí tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành các quy định mới trên phạm vi cả nước; hạn chế được số lượng công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam, theo đó, hạn chế chi phí ngân sách Nhà nước phục vụ cho công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như quy định của Luật TTTP thì sẽ không giải quyết được những khó khăn, bất cập nêu tại Mục 3.1, không tạo

thuận lợi và cơ hội cho tất cả công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được về Việt Nam tiếp tục chấp hành án phạt tù.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật, cho thấy rằng nền tảng pháp luật của Việt Nam hiện tại là tương đối ổn định, đầy đủ.

- Tác động tiêu cực: Không tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tất cả công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án; chưa bảo đảm trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo hộ công dân; chưa thể hiện được chính sách đặc biệt đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội như người chưa thành niên, người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đang mang thai hoặc các trường hợp khác để đáp ứng yêu cầu chính trị, đối ngoại.

c) Tác động về giới: Không có.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: các quy định hiện hành không phù hợp với các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam là thành viên cũng như không phù hợp với các quy định về quyền công dân, quyền con người trong Hiến pháp năm 2023 (Điều 16 quy định: mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều 17 quy định: công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ).

3.3.2. Giải pháp 2:

- Kế thừa quy định của Luật TTTT về điều kiện bắt buộc để thực hiện chuyển giao là phải có sự đồng ý của người đang chấp hành án phạt tù hoặc người đại diện hợp pháp của người đó;

- Tạo cơ chế đối xử công bằng đối với mọi công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài thông qua việc không quy định điều kiện người đó phải có nơi thường trú cuối cùng ở Việt Nam;

- Xây dựng cơ chế ưu tiên cho các đối tượng yếu thế như người chưa thành niên, người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đang mang thai

hoặc các trường hợp để đáp ứng yêu cầu chính trị, đối ngoại bằng thông qua việc quy định những người này có thể được chuyển giao ngay cả khi thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại dưới 01 năm (trường hợp thông thường, thời hạn này là từ trên 01 năm).

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Việc tạo điều kiện cho người đang chấp hành án phạt tù được về gần người thân, gia đình sẽ giúp tiết kiệm chi phí thăm thân của người thân và gia đình người đang chấp hành án phạt tù.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước:

i) Nhà nước sẽ mất chi phí xây dựng ban hành luật và có thể là cả văn bản hướng dẫn thi hành; tuyên truyền phổ biến nội dung luật mới trên phạm vi toàn quốc bằng nhiều biện pháp và hình thức khác nhau ước tính 67.000.000đ/năm;

ii) Số lượng công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài xin về Việt Nam có thể sẽ tăng nhưng không nhiều. Do đó, chi phí phục vụ công tác chuyển giao người bị kết án phạt tù sẽ tăng. Tuy nhiên, thực tiễn công tác cho thấy từ năm 2008 đến nay mới có 04 công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài xin về Việt Nam. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng này là các công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài không mong muốn quay về Việt Nam, vẫn mong muốn ở lại nước ngoài sau khi ra tù. Ngoài ra, xuất phát từ lý do nhân đạo và trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân nên không đặt nặng vấn đề kinh tế trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Không làm phát sinh chi phí đối với các đối tượng này.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Việc tạo điều kiện cho những phạm nhân thuộc các trường hợp đặc biệt nêu trên của Nhà nước ta sẽ xây dựng lòng tin với người dân và các tổ chức trong và ngoài nước, là cơ sở để Việt Nam có thể thúc đẩy hợp tác chặt chẽ với nước ngoài trong công tác chuyển giao người Việt Nam đang

chấp hành án tại nước ngoài cũng như người nước ngoài đang chấp hành án tại Việt Nam; nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo hộ công dân;

+ Đối với người dân và doanh nghiệp: Người dân thấy được chính sách nhân đạo của Nhà nước cũng như được đối xử công bằng. Điều này góp phần cảm hóa những người đã từng làm lỗi để trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội sau khi ra tù.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đối với xã hội.

c) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực:

+ Tác động đến Bộ máy nhà nước: không tác động đến bộ máy nhà nước, không làm tăng biên chế trong bộ cảnh khối lượng công việc tăng, đảm bảo chủ trương tinh gọn bộ máy nhà nước của Đảng, Nhà nước.

+ Tác động đến điều kiện bảo đảm: không ảnh hưởng đến các điều kiện đảm bảo hiện có để thực hiện chính sách.

+ Sự phù hợp hệ thống pháp luật: bảo đảm phù hợp với quy định về quyền công dân, quyền con người trong Hiến pháp năm 2013.

+ Tương thích với điều ước quốc tế: phù hợp với các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết.

- Tác động tiêu cực: Phải thực hiện rà soát và sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện chính sách.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan

Chính sách sẽ tác động trực tiếp đến công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài và người đang chấp hành án phạt tù là người chưa thành niên, người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đang mang thai theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người đó. Tuy nhiên có thể sẽ phát sinh thêm trách nhiệm của các cơ quan trong việc xử lý nhiều hơn các yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở so sánh, đánh giá lợi ích của các giải pháp, Bộ Công an đề nghị lựa chọn Giải pháp 2, theo đó, kể từ các quy định còn phù hợp của Luật TTTP về quyền được chuyển giao của người đang chấp hành án, về sự đồng ý của người đang chấp hành án phạt tù. Đồng thời, tạo điều kiện tốt nhất cho người bị kết án, sẽ bỏ quy định điều kiện về nơi thường trú cuối cùng ở Việt Nam của công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù và bỏ điều kiện về thời hạn còn phải chấp hành án phạt tù đối với các đối tượng đặc biệt như người chưa thành niên, người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo và người đang mang thai.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

III. LẤY Ý KIẾN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Bộ Công an gửi dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù để lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Công an các đơn vị, địa phương; đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia, Bộ Công an đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu và giải đầy đủ ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật

Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù liên quan trực tiếp đến Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Công an cấp tỉnh, cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và cơ quan đầu mối giúp Chính phủ tổ chức thi hành Luật Chuyển giao người đang

chấp hành án phạt tù là Bộ Công an với vai trò là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2. Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật

Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thi hành Luật. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Bộ Công an xin báo cáo Chính phủ./. *✓*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03(P5).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

LM
Trưởng tướng Lê Quốc Hùng